

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 04-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út;
2. Ông Huỳnh Tấn Cường;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn V, sinh năm 1969;

HKTТ: Ấp H, xã H1 I, huyện M.X, tỉnh S.

Địa chỉ liên lạc: Số A10/11B, tổ 10, ấp 1, xã Qui Đức, huyện B, Thành phố HCM, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số 215, ấp Đ, xã L1, huyện C, tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn V trình bày như sau:

Ông V và ông M cùng là môi giới nhà đất nên có quen biết nhau. Ông M có nhận làm giấy tờ nhà đất chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất thổ nên ông V yêu cầu ông M làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho M số người có nhu cầu. Ông V là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận công việc về giao lại và giao tiền cho ông M. Cụ thể:

- Vào ngày 01/7/2020, ông V giao cho ông M tiền tạm ứng 50% giá trị hợp đồng dịch vụ làm giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất với số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 05 tháng ông M phải hoàn tất hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất kể từ ngày nhận tiền là ngày 01/7/2020;

- Vào ngày 14/8/2020, ông V giao cho ông M tiền tạm ứng 50% giá trị hợp đồng dịch vụ làm giấy tờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất với số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 05 tháng ông M phải hoàn tất hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất kể từ ngày nhận tiền là ngày 14/8/2020;

Hai lần giao nhận tiền giữa ông V và ông M có làm giấy nhận tiền, giấy nhận tiền là ông M tự viết ra và ký tên xác nhận tiền.

Hết thời hạn 05 tháng, ông V vẫn chưa nhận được giấy tờ đất đã chuyển mục đích sử dụng đất từ ông M, ông V liên tục liên lạc để hỏi thúc nhưng ông M cứ hứa hẹn mà không trả lời cụ thể khi nào thì xong. Sự việc kéo dài cho đến nay, ông V nhận thấy ông M không thực hiện được hợp đồng dịch vụ như cam kết, trong thời gian thực hiện công việc ông M không thực hiện bất kỳ thủ tục hành chính về đất đai nào làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất như hai bên đã thỏa thuận. Vì vậy, ông Trương Văn V khởi kiện ông Đặng Văn M yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ với ông M, yêu cầu ông M trả lại số tiền đã nhận là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày 23/02/2023 là 33.280.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V rút M phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lại với số tiền là 33.280.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn M trình bày như sau:

Ông M và ông V cùng là người làm môi giới nhà đất và có nhận làm thủ tục giấy tờ nhà đất chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất thổ. Ông V nhận hồ sơ giao cho ông M, ông M giao lại cho người khác.

Vào ngày 01/7/2020, ông V có ứng cho ông M số tiền làm giấy tờ chuyển mục đích sử dụng đất là 50.000.000 đồng, thời hạn để hoàn thành thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 05 tháng như ông V trình bày. Sau khi nhận tiền xong, ông M có tiến hành làm thủ tục chuyển đổi mục đích như đã cam kết như xin hồ sơ trích lục thửa đất và có giao lại cho ông V coi. Sau đó, ông M yêu cầu ông V ứng tiếp số tiền 30.000.000 đồng để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Nội dung giấy nhận tiền ngày 01/7/2020 và ngày 14/8/2020 là do ông M viết ra. Tiền thù lao khi hoàn thành công việc là khoản tiền còn lại sau khi trừ chi phí làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thì ông M được hưởng.

Sau khi nhận tiền lần hai, ông M tiếp tục làm các thủ tục tiếp theo để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng lúc này chính sách quản lý đất đai của Nhà nước có thay đổi nên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất gặp khó khăn, ông M có liên lạc với ông V kêu ông V chờ thêm thời gian và ông V đồng ý. Nhưng sau đó ông M không làm được nên ông M có trả lại cho ông V tiền đã nhận vào ngày 13/01/2021 trả số tiền là 30.000.000 đồng và ngày 28/01/2021 ông M trả số tiền 30.000.000 đồng, không có làm giấy tờ chỉ có chụp hình tại lúc giao tiền cho ông V, ông M có nộp cho Tòa án.

Vì ông M nhận thấy không có khả năng thực hiện công việc như đã thỏa thuận nên ông M đồng ý hủy bỏ hợp đồng dịch vụ với ông V, do trước đó ông M đã trả ông V số tiền 60.000.000 đồng nên ông M chỉ đồng ý trả lại cho ông V số tiền 20.000.000 đồng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm đề nghị Tòa án khắc phục để bảo đảm thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông V và ông M đều tự nguyện hủy bỏ hợp đồng

nên ghi nhận.

Về hậu quả: Hợp đồng bị hủy nên các bên phải hoàn trả những gì đã nhận. Cụ thể, ông M phải hoàn trả lại số tiền 80.000.000 đồng ông M đã nhận của ông V. Ông M cho rằng đã trả tiền cho ông V 02 lần, lần đầu là ngày 13/01/2022 trả 30.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 20/01/2022 trả 30.000.000 đồng. Việc trả tiền không có làm biên nhận nhưng ông M có cung cấp 02 tấm ảnh ông V nhận tiền. Tuy nhiên hai tấm ảnh này không thể hiện được nội dung ông V nhận bao nhiêu, ai là người đưa tiền cho ông V, khoản tiền này là tiền gì. Về phía ông V, ông V trình bày ông có nhận 02 lần tiền do ông M trả gồm: M lần trả tiền mượn 25.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 11/11/2021, còn M lần là ông M trả cho ông 25.000.000 đồng đối với biên nhận tiền ngày 29/8/2020 mà ông M đã nhận của ông 25.000.000 đồng. Chính vì ông M đã trả tiền mượn cho ông V là 25.000.000 đồng nên ông V chỉ khởi kiện ông M trả số tiền còn lại là 6.400.000 đồng mà Tòa án đã thụ lý ở vụ án khác và đối với biên nhận ngày 29/8/2020, ông M đã trả đủ 25.000.000 đồng nên ông mới không khởi kiện ông M đối với khoản tiền này. Do đó, việc ông M cho rằng ông đã trả cho ông V số tiền 60.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng là không có cơ sở.

Về tiền lãi, ông V rút yêu cầu tính tiền lãi là 33.280.000 đồng nên căn cứ Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn V đối với ông Đặng Văn M, hủy hợp đồng dịch vụ giữa ông Trương Văn V và ông Đặng Văn M, ông M có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 80.000.000 đồng, đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông V đối với số tiền là 33.280.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trương Văn V khởi kiện đối với ông Đặng Văn M về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ ông M có nơi cư trú tại số 215, ấp Đ, xã L1, huyện C, tỉnh L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn V:

[2.1] Vào ngày 11/7/2020, ông M có nhận của ông V số tiền 50.000.000 đồng và ngày 14/8/2020, ông M nhận của ông V số tiền 30.000.000 đồng, để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất ở nông thôn. Thời hạn thực hiện là 05 tháng, kể từ ngày nhận tiền. Hai bên thỏa thuận tiền thù lao chính là phần tiền còn lại sau khi trừ đi các chi phí chuyển mục đích sử dụng đất. Hết thời hạn thực hiện công việc, ông M không hoàn thành được công việc như đã thỏa thuận, tại phiên tòa ông M xác định không có khả năng thực hiện công việc đã được giao và đồng ý hủy bỏ hợp đồng dịch vụ với ông V nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V về việc hủy bỏ hợp đồng dịch vụ.

[2.2] Về việc giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng:

Ông M thừa nhận có nhận tiền của ông V 02 lần với số tiền là 80.000.000 đồng vào các ngày 01/7/2020 và ngày 14/8/2020 để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất lúa lên đất thổ. Theo hai giấy nhận tiền ngày 01/7/2020 và 14/8/2020 không thể hiện nội dung trong trường hợp hợp đồng bị hủy bỏ thì khoản tiền đã nhận sẽ được giải quyết như thế nào, căn cứ Điều 427 Bộ luật Dân sự thì khi trường hợp hợp đồng bị hủy bỏ thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, theo đó ông M phải trả ông V số tiền là 80.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng ông M đã trả cho ông V số tiền 60.000.000 đồng, trả 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng vào các ngày 13/01/2021 và ngày 13/01/2021, không có làm giấy xác nhận đã trả tiền nhưng ông M có chụp lại hình ảnh lúc ông V nhận tiền. Hội đồng xét xử xét thấy 02 hình ảnh do ông M cung cấp không thể hiện thông tin nào để chứng minh số tiền trong hai hình ảnh này là số tiền 30.000.000 đồng cho mỗi hình ảnh, hơn nữa ông M trình bày mâu thuẫn nhau về thời gian trả tiền, tại biên bản hòa giải ngày 16/5/2023 và biên bản đối chất ngày 23/6/2023, ông M trình bày ông trả tiền vào ngày 13/01/2022 và ngày 20/01/2022, tại phiên tòa ông M lại trình bày là ông M trả tiền vào ngày 13/01/2021 và ngày 28/01/2021 nhưng ông M không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông có căn cứ.

Trong khi đó, ông V lại không thừa nhận hình ảnh ông M cung cấp là hình ảnh ông V nhận số tiền 60.000.000 đồng. Ông V xác định hình ảnh ông V nhận tiền đó là lúc ông M trả lại số tiền 25.000.000 đồng đối với biên nhận tiền ngày 29/8/2020 và 25.000.000 đồng theo giấy tiền ngày 11/11/2021. Chính vì ông M đã trả tiền lại cho ông V số tiền đã nhận theo giấy nhận tiền 28/9/2020 nên ông V không khởi kiện ông M đối với số tiền này, còn đối với giấy nhận tiền ngày 11/11/2021 ông M chỉ khởi kiện đối với số tiền 6.400.000 đồng và đã được Tòa án giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2023/QĐST-DS ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện C. Ông V có cung cấp cho Tòa án bản photo giấy nhận tiền ngày 28/9/2020 và bản photo giấy mượn tiền ngày 11/11/2021.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông M về việc đã thanh toán cho ông V số tiền 60.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, ông M phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông V số tiền là 80.0000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu trả lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V có đơn yêu cầu rút M phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi với số tiền lãi là 33.280.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút M phần yêu cầu khởi kiện của ông V là tự nguyện nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 217, Khoản 2 Điều 244 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với M phần yêu cầu khởi kiện của ông V đối với tiền lãi là 33.280.000 đồng.

[4] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí: Ông Đặng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn V được chấp nhận, tuy nhiên ông M là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên căn cứ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên ông M được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Văn V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227; Khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 423, Điều 425, Điều 513, Điều 514 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn V đối với bị đơn ông Đặng Văn M về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Hủy bỏ hợp đồng dịch vụ giữa ông Trương Văn V và ông Đặng Văn M về việc làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

Buộc ông Đặng Văn M có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn V số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông Trương Văn V với số tiền là 33.280.000 (Ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

3. Án phí: Ông Đặng Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho ông Trương Văn V tiền tạm ứng án phí là 2.832.000 (Hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0004992 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh L.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân

